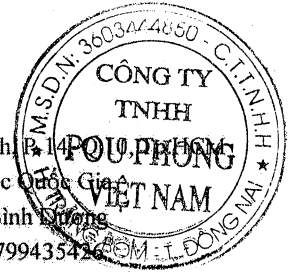




VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. 14, Q. 10, TP. HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com



Số PKQ: 01266/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0331.KT1-4
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH POU PHONG VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 17/02/2025

Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, Xã Đồi 61, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.0331.KT1: BB14, Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ quá trình vận hành lò hơi_Ống số 01,
X: 1210610; Y: 421920

25.0331.KT2: BB14, Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ quá trình vận hành lò hơi_Ống số 02,
X: 1210617; Y: 421917

25.0331.KT3: BB14, Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ quá trình vận hành lò hơi_Ống số 03,
X: 1210626; Y: 421917

25.0331.KT4: BB14, Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ quá trình vận hành lò hơi_Ống số 04,
X: 1210628; Y: 421919

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.0331.KT1	25.0331.KT2	25.0331.KT3	25.0331.KT4	Cột B
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	27.969	14.828	28.770	24.074	-
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	66,2	68,5	87,4	72,5	160
3	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	2,62	KPH (LOD=2,62)	2,62	3,5	400
4	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	83	102	122,3	91,9	680
5	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	49,4	94,2	114,8	42,6	800

Ghi chú:

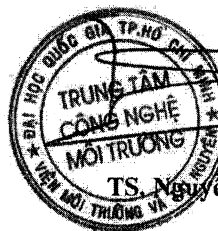
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Cmax: Kp=0,8 và Kv=1;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2025

Phụ trách PTN

Giám đốc

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

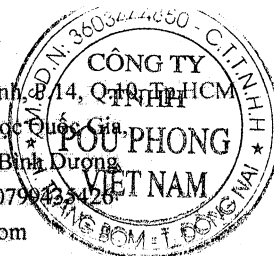


TS. Nguyễn Như Hiến



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. 14, Q. 10, TP. HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0790.425.126
Email: ketquacefinea@gmail.com



Số PKQ: 01267/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0331.KT5-6
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU PHONG VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 17/02/2025
Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, Xã Đồi 61, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : **25.0331.KT5:** CB13, Ống thoát khí thải hệ thống xử lý hơi dung môi từ quá trình pha keo,
sơn_Ống số 01, X: 1210390; Y: 421371
25.0331.KT6: CB13, Ống thoát khí thải hệ thống xử lý hơi dung môi từ quá trình sơn_Ống số 02,
X: 1210393; Y: 421371

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT
				25.0331.KT5	25.0331.KT6	Cột B
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	11.785	12.578	-
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	10,3	11,4	160

Ghi chú:

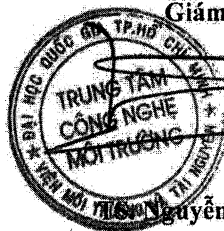
- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Cmax: Kp=0,8 và Kv=1;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2025

Giám đốc



Nguyễn Như Hiền